

Phụ lục II

CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC XÃ, PHƯỜNG

(Kèm theo Quyết định số 3506 /QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2023 của UBND thị xã Đông Triều)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Điểm thẩm định
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH	22		
1.1	Xây dựng các văn bản thực hiện công tác CCHC; văn bản chuyên đề về công tác CCHC: Đảm bảo đủ văn bản, đúng nội dung, đúng thời gian và thực hiện 100% nội dung quy định được 4 điểm; thiếu 1 văn bản trừ 0,5 điểm; nội dung không đảm bảo trừ 0,5 điểm/văn bản; không đúng thời gian trừ 0,5 điểm/văn bản; thiếu từ 2 văn bản trở lên hoặc có từ 03 văn bản trở lên nội dung không đảm bảo hoặc ban hành không đúng thời gian từ 03 văn bản trở lên: 0 điểm.	4		
1.2	Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ, báo cáo chuyên đề theo số Kế hoạch 188/KH-UBND ngày 30/7/2021 của UBND thị xã về triển khai thực hiện Nghị quyết 05-NQ/TU ngày 09/4/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 09/01/2023 của UBND thị xã: Đầy đủ, đúng quy định được 4 điểm; thiếu 1 báo cáo trừ 0,5 điểm; chất lượng báo cáo không đảm bảo, không theo hướng dẫn trừ 0,5 điểm/báo cáo; báo cáo muộn hơn so với thời gian quy định trừ 0,5 điểm/báo cáo; Thiếu 03 báo cáo hoặc có 04 báo cáo nộp muộn hoặc chất lượng không đảm bảo từ 04 báo cáo trở lên: 0 điểm	4		
1.3	Tuyên truyền CCHC: Đầy đủ, đúng nội dung, thời gian quy định: 2 điểm , trong đó: (1) Xây dựng Kế hoạch tuyên truyền CCHC đủ nội dung, đúng thời gian quy định (1 điểm), Xây dựng kế hoạch tuyên truyền đúng đủ nội dung nhưng ban hành chậm 2 ngày: 0,5 điểm, nội dung kế hoạch tuyên truyền không đảm bảo hoặc ban hành chậm quá 2 ngày hoặc không ban hành: 0 điểm; (2) Có các hình thức tuyên truyền phù hợp, báo cáo kết quả tuyên truyền đúng thời gian quy định (1 điểm), báo cáo kết quả chậm 2 ngày: 0,5 điểm, không báo cáo hoặc báo cáo kết quả chậm từ 2 ngày trở lên: 0 điểm	2		
1.4	Tham gia các lớp tập huấn, tuyên truyền về CCHC, Chính quyền điện tử, chính quyền số do Tỉnh và thị xã tổ chức: Tham gia đầy đủ được 1,5 điểm; không tham gia 1 lớp (không có lý do chính đáng) trừ 0,5 điểm.	1,5		

1.5	Kiểm tra công tác cải cách hành chính: Đầy đủ, đúng nội dung, thời gian quy định được 2 điểm , trong đó: (1) Xây dựng kế hoạch kiểm tra riêng hoặc lồng ghép đảm bảo đúng quy định được 0,5 điểm, không xây dựng kế hoạch hoặc chất lượng không đảm bảo: 0 điểm; (2) Báo cáo kết quả kiểm tra riêng hoặc lồng ghép đúng quy định: 0,5 điểm, không báo cáo: 0 điểm; (3) Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra (xử lý 100% đạt 0,5 điểm; không xử lý: 0 điểm); (4) Chuẩn bị đầy đủ tài liệu liên quan phục vụ Đoàn kiểm tra của tỉnh, của thị xã: 0,5 điểm, Không chuẩn bị hoặc chuẩn bị không đầy đủ: 0 điểm	2		
1.6	Có sáng kiến, giải pháp mới trong cải cách hành chính được UBND tỉnh hoặc UBND thị xã phê duyệt (có từ 2 sáng kiến trở lên được 3 điểm; có 1 sáng kiến được: 2 điểm; không có sáng kiến: 0 điểm)	3		
1.7	Công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo: Đảm bảo quy định được 1,5 điểm, trong đó: (1) Xây dựng các văn bản, có thông báo lịch trực (0,5 điểm), không xây dựng văn bản, không có lịch trực 0 điểm; (2) Có hòm thư góp ý, niêm yết số điện thoại đường dây nóng (0,5 điểm), không có hòm thư góp ý và niêm yết số điện thoại đường dây nóng 0 điểm; (3) Có báo cáo công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo đầy đủ được 0,5 điểm, không báo cáo 0 điểm.	1,5		
1.8	Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc lĩnh vực, nhiệm vụ, trách nhiệm của địa phương (giải quyết 100% được: 2 điểm; từ 90% - dưới 100% được 1,5 điểm; từ 70%- dưới 90% được 1 điểm; từ dưới 70% được 0 điểm)	2		
1.9	Thực hiện các nhiệm vụ được UBND thị xã giao (Hoàn thành đúng 100% số nhiệm vụ được giao trong năm được 2 điểm; Hoàn thành đúng 100% số nhiệm vụ nhưng có không quá 5% nhiệm vụ hoàn thành muộn so với tiến độ được 1 điểm; Hoàn thành đúng 100% số nhiệm vụ nhưng có từ 5% đến 10% nhiệm vụ hoàn thành muộn so với tiến độ được 0,5 điểm; Hoàn thành dưới 100% nhiệm vụ hoặc hoàn thành 100% nhưng có từ 10% nhiệm vụ hoàn thành muộn so với tiến độ)	2		
2	CẢI CÁCH THỂ CHẾ	8		
2.1	Xây dựng văn bản QPPL thuộc phạm vi của địa phương: Thực hiện đúng quy trình 100% các văn bản QPPL được 2 điểm; thực hiện đúng quy trình từ 90% đến dưới 100% các văn bản QPPL được 1 điểm; thực hiện đúng quy trình từ 80% đến dưới 90% các văn bản QPPL được 0,5 điểm; thực hiện đúng quy trình dưới 80% các văn bản QPPL: 0 điểm	2		
2.2	Theo dõi thi hành pháp luật: Thực hiện đúng quy định được 2 điểm , trong đó: (1) Xây dựng kế hoạch, thực hiện đúng quy định được 1 điểm, xây dựng kế hoạch chậm 7 ngày được 0,5 điểm, không xây dựng: 0 điểm; (2) thực hiện hoạt động theo dõi thi hành pháp luật 0,5 điểm, không thực hiện 0 điểm; (3) Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật được 0,5 điểm, không xử lý: 0 điểm.	2		

2.3	Công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa các văn bản QPPL: Thực hiện đúng quy định được 2 điểm , trong đó: (1) Có kế hoạch riêng hoặc lồng ghép đảm bảo quy định (1 điểm), Có kế hoạch nhưng xây dựng chậm so với thời gian quy định 3 ngày 0,5 điểm, không xây dựng kế hoạch hoặc xây dựng chậm quá 3 ngày 0 điểm; (2) có báo cáo xử lý kết quả tự kiểm tra theo thẩm quyền (0,5 điểm); (3) Có báo cáo và xử lý 100% văn bản trái quy định của pháp luật do địa phương ban hành được cơ quan có thẩm quyền kết luận, kiến nghị (0,5 điểm), không có báo cáo xử lý: 0 điểm.	2		
2.4	Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật thuộc phạm vi của địa phương: Thực hiện đúng quy định được 2 điểm, trong đó: (1) Xây dựng kế hoạch tuyên truyền đảm bảo đúng quy định được (1 điểm), xây dựng chậm không quá 3 ngày được (0,5 điểm), xây dựng chậm quá 3 ngày hoặc không xây dựng kế hoạch được 0 điểm; (2) báo cáo đầy đủ, kịp thời được (1 điểm), báo cáo chậm không quá 3 ngày được (0,5 điểm); không báo cáo hoặc báo cáo chậm quá 3 ngày: 0 điểm	2		
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG	17,5		
3.1	Ban hành văn bản, báo cáo về kiểm soát TTHC: Nội dung đầy đủ, đảm bảo chất lượng, đúng thời gian quy định được 2 điểm, trong đó: (1) Ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính (0,5 điểm), không ban hành 0 điểm; (2) Xây dựng báo cáo kiểm soát TTHC (1 điểm), thiếu 1 báo cáo trừ 0,5 điểm; (3) xử lý các vấn đề khi phát hiện (0,5 điểm), không xử lý hoặc xử lý chậm: 0 điểm.	2		
3.2	Niêm yết công khai TTHC thuộc thẩm quyền: Đầy đủ, đúng thời gian quy định được 1,5 điểm , trong đó: (1) Thực hiện niêm yết Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại cấp xã được (0,5 điểm), không niêm yết đầy đủ 0 điểm; (2) Công khai trên Trang thông tin điện tử thành phần của địa phương (0,5 điểm), không công khai 0 điểm; (3) triển khai việc rà soát, sửa đổi bổ sung để niêm yết kịp thời (0,5 điểm); Không rà soát để niêm yết 0 điểm	1,5		
3.3	Tổ chức thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông: Thực hiện đúng quy định được 2 điểm, trong đó: (1) Ban hành văn bản đầy đủ, đảm bảo chất lượng (1 điểm), ban hành thiếu 1 văn bản hoặc chất lượng không đảm bảo trừ 0,5 điểm/văn bản; không ban hành văn bản: 0 điểm; (2) Báo cáo đúng thời gian quy định (1 điểm); báo cáo không đầy đủ, chất lượng không đảm bảo, không đúng thời gian quy định bị thiếu trừ 0,5 điểm/báo cáo; không có báo cáo: 0 điểm	2		
3.4	Bố trí đủ công chức thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận một cửa hiện đại cấp xã: Thực hiện đúng, đủ; cán bộ có năng lực, trình độ phù hợp và đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ được 1 điểm; có 01 cán bộ, công chức không phù hợp bị trừ 0,5 điểm/người; có từ 2 cán bộ, công chức không phù hợp trở lên: 0 điểm	1		

3.5	Kết quả giải quyết hồ sơ hành chính cho cá nhân, tổ chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại cấp xã: Dựa trên tổng hợp từ Chính quyền điện tử; hoặc qua kiểm tra, giám sát phát hiện (ghi vào biên bản kiểm tra, giám sát). Kết quả hồ sơ hành chính được giải quyết đúng hạn và trước hạn đạt 100% được 2,5 điểm; đạt 95% đến dưới 100% được 2 điểm; dưới 95% được 0 điểm.	2,5		
3.6	Số lượng hồ sơ TTHC được giải quyết đồng thời không có hồ sơ TTHC bị quá hạn: Từ 1.500 hồ sơ trở lên đạt 2 điểm; Từ 800 hồ sơ đến dưới 1.500 hồ sơ đạt 1,5 điểm; từ dưới 800 hồ sơ 1 điểm; nếu có hồ sơ quá hạn: 0 điểm	2		
3.7	Thanh toán không dùng tiền mặt TTHC: Đạt từ 90% đến 100% được: 1,5 điểm; từ 75% đến dưới 90% được 1 điểm; từ 50% đến dưới 75% được 0,5 điểm; dưới 50% được: 0 điểm	1,5		
3.8	Thực hiện lấy phiếu khảo sát mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với việc thực hiện tiếp nhận và giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết: Đạt trên 10% được 1 điểm; từ 5-dưới 10% được 0,5 điểm; dưới 5% được 0 điểm	1		
3.9	Thực hiện đúng quy định có văn bản xin lỗi người dân, tổ chức khi chậm giải quyết TTHC (thực hiện đối với các đơn vị có hồ sơ trễ hạn): Có văn bản xin lỗi kiểm tra qua kết quả kiểm tra, giám sát hoặc trên hệ thống được 1 điểm; không có văn bản xin lỗi: 0 điểm	1		
3.10	Thực hiện số hóa kết quả giải quyết TTHC: Đạt 90 đến 100% được 2 điểm; Từ 80% đến dưới 90% được 1,5 điểm; từ 70 đến dưới 80% được 1 điểm; từ dưới 70% được 0 điểm	2		
3.11	Phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức về quá trình giải quyết TTHC (không có phản ánh, kiến nghị hoặc có phản án kiến nghị mang tính chất tích cực, tham gia góp ý được 1 điểm; có phản ánh, kiến nghị nhưng đảm bảo 100% phản ánh, kiến nghị được địa phương giải quyết được 0,5 điểm; có phản án kiến nghị nhưng dưới 100% phản ánh, kiến nghị được địa phương giải quyết được 0 điểm)	1		
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC	5		
4.1	Tuân thủ các quy định của Trung ương, của tỉnh, của thị xã về tổ chức bộ máy, ban hành quy chế làm việc: Thực hiện đúng quy định được 1 điểm; thực hiện không đúng hoặc không phù hợp: 0 điểm)	1		
4.2	Thực hiện phân cấp quản lý: Thực hiện đúng quy định được 2 điểm, trong đó: (1) Triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời đúng quy định (1 điểm), triển khai chậm dưới 3 ngày được 0,5 điểm, chậm quá 3 ngày: 0 điểm; (2) Báo cáo đầy đủ, kịp thời, đúng quy định được (1 điểm); báo cáo chậm dưới 3 ngày được 0,5 điểm, báo cáo chậm quá 3 ngày hoặc không báo cáo: 0 điểm	2		
4.3	Thực hiện kiểm tra, xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra phân cấp, ủy quyền quản lý kịp thời đạt 100% được 1 điểm; xử lý từ 95 % đến dưới 100% vấn đề được 0,5 điểm; Xử lý dưới 95% vấn đề được 0 điểm	1		

4.4	Thực hiện chế độ báo cáo: Đầy đủ, đảm bảo chất lượng, đúng thời gian quy định được 1 điểm; Báo cáo chậm so với thời gian quy định 3 ngày được 0,5 điểm; Báo cáo chậm quá 3 ngày hoặc không thực hiện báo cáo: 0 điểm	1		
5	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ	14		
5.1	Vị trí việc làm: Thực hiện đúng quy định được 1,5 điểm, trong đó: (1) Thực hiện cập nhật, hoàn thiện quy định về vị trí việc làm của cơ quan (0,5 điểm), không đầy đủ: 0 điểm; (2) Tiếp nhận, bố trí sử dụng công chức đúng theo vị trí việc làm đã được phê duyệt (100% thực hiện kịp thời, đúng quy định được 1 điểm; đúng từ 90%- dưới 100% được 0,5 điểm; và đúng dưới 90% được 0 điểm.	1,5		
5.2	Thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính: Trong năm địa phương không có cán bộ, công chức, lãnh đạo cấp xã bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên được 3 điểm; có 1 cán bộ, công chức, lãnh đạo bị kỷ luật trừ 1 điểm/1 người; nếu có từ 2 cán bộ, công chức, lãnh đạo bị kỷ luật trở lên: 0 điểm)	3		
5.3	Thực hiện tiếp nhận và bố trí sử dụng công chức đúng quy định, kịp thời được 0,5 điểm; Không đúng định 0 điểm	0,5		
5.4	Thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với CBCCVC (theo Luật phòng, chống tham nhũng; Nghị định số 59/2021/NĐ-CP; Nghị định số 134/2021/NĐ-CP): Thực hiện đúng quy định được 1 điểm, trong đó: (1) Ban hành kế hoạch (0,5 điểm), không ban hành: 0 điểm; (2) Thực hiện kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác CBCCVC (0,5 điểm), không thực hiện chuyển đổi: 0 điểm	1		
5.5	Thực hiện giải quyết chế độ, chính sách cán bộ, công chức, viên chức (thực hiện kịp thời, đúng quy định được 1 điểm; không kịp thời hoặc không đúng quy định: 0 điểm)	1		
5.6	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ, công chức cấp xã theo quy định của tỉnh và thị xã: 100% đạt chuẩn được 1,5 điểm; mỗi cán bộ, công chức không đạt chuẩn bị trừ 1 điểm.	1,5		
5.7	Đào tạo, bồi dưỡng: Thực hiện đúng quy định 1 điểm, trong đó: (1) Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng (0,5 điểm), không xây dựng kế hoạch 0 điểm; (2) Có báo cáo đúng quy định được (0,5 điểm); không thực hiện báo cáo chậm được 0 điểm)	1		
5.8	Thực hiện đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức: Thực hiện đúng quy định được 1 điểm, trong đó: (1) Đánh giá đúng quy định (0,5 điểm), đánh giá không đúng 0 điểm; (2) Báo cáo nộp đúng quy định được 0,5 điểm; không nộp báo cáo, hoặc nộp muộn: 0 điểm)	1		
5.9	Thực hiện quy định về bầu cử, tuyển dụng cán bộ công chức cấp xã (thực hiện đúng quy định được 1 điểm, chưa đúng quy định: 0 điểm)	1		

5.10	Kết quả thực hiện nhiệm vụ cán bộ, công chức (không tính những cán bộ bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên): 100% hoàn CBCC hoàn thành tốt nhiệm vụ: được 1,5 điểm; có 1 người hoàn thành nhiệm vụ: được 1 điểm; Có 2 người hoàn thành nhiệm vụ: được 0,5 điểm; Có từ 2 người hoàn thành nhiệm vụ trở lên hoặc có 1 người không hoàn thành nhiệm vụ: 0 điểm	1,5		
5.11	Thực hiện báo cáo chế độ, số lượng, chất lượng cán bộ, công chức và chế độ công vụ (đầy đủ đúng quy định được 1 điểm; đầy đủ nhưng báo cáo chậm không quá 10 ngày được 0,5 điểm; không báo cáo hoặc báo cáo chậm quá 10 ngày: 0 điểm)	1		
6	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	11		
6.1	Thực hiện chế độ công khai tài chính, ngân sách (công khai đầy đủ, đúng quy định được 1,5 điểm, có 01 nội dung công khai không đúng quy định bị trừ 0,5 điểm; Công khai không đúng quy định hoặc không công khai: 0 điểm)	1,5		
6.2	Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau Thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách (đảm bảo từ 90% đến 100%, hoặc trong năm không có thanh tra, kiểm toán hoặc không có kiến nghị tài chính, không có sai phạm phát hiện được 1,5 điểm; Đảm bảo từ 85% đến dưới 90% các kiến nghị được 1 điểm; Đảm bảo từ 80% đến dưới 85% các kiến nghị được 0,5 điểm, dưới 80% các kiến nghị được thực hiện: 0 điểm	1,5		
6.3	Xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ: Có xây dựng và bổ sung kịp thời phù hợp đúng quy định được 1 điểm; không xây dựng hoặc không bổ sung kịp thời: 0 điểm.	1		
6.4	Lập và báo cáo quyết toán ngân sách; dự toán ngân sách năm (đảm bảo về nội dung, báo cáo đúng thời gian theo quy định được 1 điểm; lập, dự toán và gửi báo cáo năm chậm không quá 10 ngày được 0,5 điểm; nộp báo cáo không đầy đủ, hoặc quá 10 ngày: 0 điểm	1		
6.5	Thực hiện thu ngân sách thị xã giao (các đơn vị chưa được giao thực hiện được 2 điểm): Đơn vị được giao thực hiện đạt từ 95% đến 100% chỉ tiêu được 2 điểm; đạt từ 90% dưới 95% được 1,5 điểm; Đạt từ 80% dưới 85% được 1 điểm; Đạt từ 70% dưới 80% được 0,5 điểm; dưới 70% được 0 điểm.	2		
6.6	Bổ sung thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức tính bình quân theo mức lương cơ sở/người/tháng (bằng 1 lần trở lên được 2 điểm; từ 0,8 đến dưới 1 lần được 1,5 điểm; từ 0,5 đến dưới 0,8 được 1 điểm, từ dưới 0,2 đến dưới 0,5 được 0,5 điểm; dưới 0,2 được 0 điểm	2		
6.7	Báo cáo thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm: Báo cáo đầy đủ nội dung, chất lượng và gửi đúng thời hạn quy định được 1 điểm; Báo cáo nộp chậm không quá 5 ngày được 0,5 điểm; Báo cáo không đầy đủ nội dung hoặc nộp chậm quá 5 ngày hoặc không báo cáo: 0 điểm	1		

6.8	Quản lý, sử dụng tài sản công: Thực hiện đúng quy định được 1 điểm, trong đó: (1) Ban hành quy chế sử dụng đúng quy định (0,5 điểm), không ban hành: 0 điểm; (2) Tổ chức kiểm tra thực hiện quản lý sử dụng tài sản công (0,5 điểm); Không tổ chức kiểm tra sử dụng tài sản công: 0 điểm	1		
7	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ	12,5		
7.1	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích (đạt từ 5% trở lên được 2 điểm; từ 3 đến dưới 5% được 1,5 điểm; dưới 3% được 1 điểm; không có hồ sơ thực hiện: 0 điểm.	2		
7.2	Thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ TTHC trên môi trường mạng một phần và toàn trình (từ 95% trở lên được 2,5 điểm; từ 90% - dưới 95% được 2 điểm; từ 85 - dưới 90% được 1,5 điểm; từ 80 đến dưới 85% được 1 điểm; từ 75% đến dưới 80% được 0,5 điểm; dưới 75% được 0 điểm;	2,5		
7.3	Xây dựng đầy đủ quy trình giải quyết các TTHC thuộc quản lý UBND cấp xã thực hiện theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015: Thực hiện đúng quy định các nội dung được 2,5 điểm, trong đó: (1) Xây dựng đầy đủ chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng (0,5 điểm), không xây dựng 0 điểm; (2) Thực hiện hoạt động tự đánh giá nội bộ (0,5 điểm), không tự đánh giá 0 điểm; (3) Tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, đào tạo về ISO do tỉnh và thị xã tổ chức (0,5 điểm), không tham gia 0 điểm. (4) Rà soát cập nhật đầy đủ quy trình thủ tục hành chính (1,5 điểm), thiếu 1 quy trình trừ 0,25 điểm; thiếu từ 3 quy trình trở lên được 0 điểm	3		
7.4	Thực hiện quy trình giải quyết nhiệm vụ, công việc trên phần mềm quản lý (nhận, giao việc, kết quả,...): Thực hiện từ 90%-100% nhiệm vụ được 2,5 điểm; từ 80%- dưới 90% nhiệm vụ được 2 điểm; từ 70%-dưới 80% được 1 điểm; dưới 70% nhiệm vụ: 0 điểm.	2,5		
7.5	Thực hiện việc sử dụng chữ ký số đối với các văn bản phát hành trên tổng số văn bản phát hành: Từ 90-100% được 2,5 điểm; từ 80% - dưới 90% được 2 điểm; từ 70%- dưới 80% được 1 điểm; dưới 70% được 0 điểm	2,5		
8	ĐIỂM THUỞNG	10		
8.1	Hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội thị xã giao: Đạt 100% được 2 điểm; đạt từ 95-dưới 100% được 1,5 điểm; đạt từ 90-dưới 95% được 1 điểm; đạt từ 85-dưới 90% được 0,5 điểm; dưới 85%; 0 điểm	2		
8.2	Kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị hằng năm của địa phương đánh giá thông qua các thành tích khen thưởng (chỉ tính đến thời điểm đánh giá trong năm); cấp Trung ương (Huân chương, Huy chương, cờ thi đua của Chính phủ... được 3 điểm; Cờ, Bằng khen UBND tỉnh hoặc Bằng khen của Bộ chuyên ngành được 2,5 điểm; Giấy khen của UBND thị xã được 1,5 điểm)	3		

8.3	UBND cấp xã tự đánh giá chấm điểm và nộp báo cáo: Điểm tối đa 5 điểm, trong đó: (1) Chất lượng, nội dung tài liệu kiểm chứng gửi kèm báo cáo đầy đủ, chính xác đảm bảo từ 95% trở lên được (3 điểm); từ 90% đến dưới 95% được 2 điểm, từ 85 đến dưới 90% được 1,5 điểm, Từ dưới 85% được 1 điểm; (2) Nộp sớm hơn thời gian quy định, đảm bảo chất lượng sai số không quá 5% so với kết quả thẩm định: Sớm hơn 2 ngày được (2 điểm), sớm hơn 1 ngày được 1 điểm, nộp đúng ngày được 0,5 điểm, nộp quá hạn: 0 điểm)	5		
	TỔNG ĐIỂM	100		

